TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** Bản án số: 15/2018/LHST Ngày: 30/3/2018 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Đấu
2. Bà Phạm Thị Tố Tâm
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 898/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B – sinh năm 1966 (có mặt)
Trú tại: khối 10, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1972 (vắng mặt)
Trú tại: khối 10, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 05/12/2017 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay của anh Nguyễn Văn B thì: anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 27/12/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình anh B tại phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2010 chị N bỏ về bên ngoại sống sau đó bỏ đi làm ăn xa. Đến năm 2015 thì chị N không có tin tức gì với anh và con. Anh B đã nhờ gia đình và bạn bè tìm kiếm chị N nhưng không có tin tức gì. Tháng 6/2017 anh B đã yêu cầu Tòa án tìm kiếm

vắng mặt nơi cư trú đối với chị N để giải quyết việc gia đình, đến nay anh B vẫn không có tin tức gì. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Văn N - sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 16/3/2007. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết Tòa án đã lấy lời khai bà Lê Thị Xuân (mẹ đẻ chị N) thì bà Xuân cho rằng: Sau khi Tòa án ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú thì chị N đã gọi điện cho bà. Bà cũng đã trao đổi về việc anh B yêu cầu chị N về giải quyết ly hôn nhưng chị N nói không về và cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho bà Xuân để bà Xuân cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, chị N cũng thừa nhận điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân của vợ chồng như anh B trình bày. Nay anh B đề nghị ly hôn thì chị N cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Văn N - sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 16/3/2007. Nay vợ chồng ly hôn thì các cháu có nguyện vọng ở với ai là tùy các con. Chị N sẽ có trách nhiệm với các con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS nhân dân thành phố Vinh đầy đủ, đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là vụ án ly hôn: Về tình cảm anh B và chị N kết hôn năm 1999, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Từ năm 2015 hai bên không hề tin tức gì cho nhau. Nay anh B xin ly hôn, Tòa án đã thông báo cho chị

N thông qua bà Xuân (mẹ chị N) nhưng chị N cũng không về và cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Vì vậy, chứng tỏ tình trạng sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho anh B được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Văn N - sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 16/3/2007 nay ly hôn chị N không có mặt tại địa phương, anh B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B cho chị N

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị N vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị N thông qua bà Xuân, bà Xuân cam kết giao cho chị N đầy đủ và làm các thủ tục niêm yết đầy đủ nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 207 và khoản 3 điều 228 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ tình cảm: anh B và chị N kết hôn năm 1999, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn gia đình. Năm 2010 chị N bỏ về bên ngoại sống. Đến năm 2015 thì vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó đến nay. Anh B cũng đã yêu cầu Tòa án tìm kiếm chị N vắng mặt nơi cư trú nhưng chị N vẫn không về. Chị N đã liên lạc về với bà Xuân và cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho anh B được ly hôn với chị N.

- Quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Văn N - sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 16/3/2007 nay ly hôn chị N không có mặt tại địa phương, anh B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy cần giao cho

anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điều 147; điều 271; khoản 1 điều 273 BLTTDS; điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí xử:

- Về quan hệ tình cảm: Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị N

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Văn N - sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 16/3/2007 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N do anh B không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí LHST (nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án thành phố Vinh theo BL số 0000331 ngày 05/12/2017).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận

-VKSND TP Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

Lê Thị Hải Yến